TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2021/HC-PT
Ngày: 19/5/2022
V/v: *"Kiện quyết định hành chính"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Trường.**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn** và ông **Trương Minh Tuấn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn**, Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 339/2021/TLPT-HC ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính"; do Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1535 ngày 20/4/2022; giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện**: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ 9, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Ngô Văn V – Phó Chủ tịch. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ủy ban nhân dân thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Ngô Văn V – Phó Chủ tịch. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ 9, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Ngô Quốc V1, sinh

năm 1992. Nơi cư trú: 32A đường B, phường Y, thành phố Đ, Lầm Đồng. Có mặt.

3/ Ông Ngô Văn L. Địa chỉ: Tổ 7, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Luật sư Nguyễn Văn P - Văn phòng luật sư H2; địa chỉ 31 đường T2, thành phố H2. Có mặt.

4/ Bà Lê Thị V4. Địa chỉ: Tổ 7 phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền: Ngô Văn L. Địa chỉ: Tổ 7, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5/ Ông Ngô Văn D (tên gọi khác H2-chết). Địa chỉ: Tổ 9, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đại diện: Có vợ là bà Nguyễn Thị V2. Có mặt.

6/ Ông Ngô Văn S. Địa chỉ: Tổ 9, phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

7/ Bà Ngô Thị H3. Địa chỉ: Tổ 2, phường T4, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

8/ Bà Ngô Thị H4. Địa chỉ: Tổ 2, phường T4, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn vắng mặt.

9/ Bà Ngô Thị H5. Địa chỉ: Xã T5, thị xã H1, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn vắng mặt.

10/ Bà Ngô Thị L3. Địa chỉ: đường N3, phường A1, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có đơn vắng mặt.

11/ Bà Ngô Thị Nh. Địa chỉ: Thôn N4, xã T6, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2020 và các lời khai của ông Ngô Văn H và tại phiên tòa hôm nay; người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.471m^2, tọa lạc tại phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế là do vườn ươm PL quản lý. Vào năm 1990, vườn ươm PL giải thể, không canh tác trồng trọt nữa, lúc đó vì không có nhà ở, nên gia đình ông đến xin khai phá tại vị trí của đất vườn ươm như bao gia đình khác để làm nhà ở và canh tác trồng trọt. Khi lăng mộ của khu đất đã được di dời, gia đình ông trồng cây ăn quả như mít, chanh hôi, tiêu, đu đủ và xây dựng trang trại nuôi gà, nuôi heo... cho đến nay.

Năm 2001, có phái đoàn đo đạc của Bộ tiến hành đo đạc đất toàn xã, họ đã

đo đạc và ghi rõ diện tích thực tế cho gia đình ông sử dụng. Cũng vào năm 2001, UBND xã T thành lập "Hội đồng xử lý" các trường hợp lấn chiếm đất và xây dựng trái phép kể từ tháng 5/2001 trở về trước, và đã khẳng định diện tích đất gia đình Ông và một số gia đình khác đang ở và sử dụng là đất vườn ươm của PL.

Năm 2015, vợ chông ông có cho em trai ông là Ngô Văn S một phần diện tích đất của Ông và chỉ cho sản xuất trồng cây ngắn ngày.

Năm 2016, Ông tiến hành lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chúng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ngày 13/01/2017, UBND thị xã H1 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 577630, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31, diện tích 1471m^2, tọa lạc tại phường T, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế cho vợ chồng ông và bà Nguyễn Thị T1.

Tháng 10/2018, các ông bà Ngô Văn Hùng, Ngô Văn S, Ngô Văn L, Ngô Thị H3, Ngô Thị Nh, Ngô Thị H4, Ngô Thị H5 và Ngô Thị L3 là em của Ông (là các con của cụ Ngô Văn V5 và Lê Thị V4) có đơn kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận số CC 577630, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31, diện tích 1471m^2 đã cấp sai cho vợ chồng ông.

Quá trình giải quyết, ngày 17/9/2019, UBND thị xã H1 có công văn số 1226/UBND-TNMT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng Ông với lý do thu hồi "...đất được cấp không đúng hiện trạng, không đúng diện tích..." không đồng ý với văn bản trên, nên vợ chồng Ông khiếu nại đến Chủ tịch thị xã H1; ngày 11/5/2020, UBND thị xã H1 ban hành Quyết định số 1171/QD-UBND bác đơn khiếu nại của Ông và thu hồi giấy chứng nhận CC 577630, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31 với lý do thu hồi "đất được cấp không đúng hiện trạng, không đúng diện tích".

Nay, Ông yêu cầu hủy Công văn số 1226/UBND-TNMT ngày 17/9/2019 của UBND thị xã H1 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1 và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1171/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND thị xã H1.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Năm 2016, ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy và được UBND thị xã H1 cấp Giấy CNQSDĐ ngày 13/01/2017, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.471m^2 (đã trừ diện tích đất nghĩa địa), mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác, nguồn gốc sử dụng đất được UBND phường T xác nhận: do ông bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 sử dụng ổn định từ năm 1991.

Ngày 11/9/2018, 10/10/2018, các ông, bà Ngô Văn H2, Ngô Văn S, Ngô Văn L, Ngô Thị H3, Ngô Thị Nh, Ngô Thị H5, Ngô Thị H4, Ngô Thị L3 (các con của cụ Ngô Văn V5 - Lê Thị V4) có đơn kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31. Ngày 22/11/2018, UBND phường T, thị xã H1 mời các thành viên trong gia đình để tổ chức hòa giải nhưng buổi hòa giải không thành.

Ngày 06/12/2018, bà Lê Thị V4 có đơn kiến nghị đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1. Ngày 20/12/2018, UBND phường T tiếp tục mời các thành viên trong gia đình để tổ chức hòa giải nhưng buổi hòa giải không thành. Ngày 28/12/2018, bà Lê Thị V4 tiếp tục có đơn gửi UBND thị xã H1.

Ngày 15/01/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H1 đã phối hợp với các ngành chức năng thị xã mời các thành viên trong gia đình bà Lê Thị V4 để thẩm tra, xác minh nội dung đơn và tổ chức hòa giải. Tại buổi hòa giải, các thành viên trong nội bộ gia đình vẫn không tự thỏa thuận được, vẫn còn xảy ra tranh chấp.

Ngày 28/3/2019, bà Lê Thị V4 và các con của bà tiếp tục có đơn kiến nghị đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31.

Sau khi thẩm tra, xác minh, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H1 đã có Báo cáo số 52/BC-TNMT ngày 15/5/2019 về việc kiến nghị UBND thị xã giao trách nhiệm Thanh tra thị xã thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử đụng đất đã cấp cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1. Qua soát xét hồ sơ và làm việc với các cá nhân có liên quan xác định:

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một phần thửa đất có diện tích khoảng 600m^2 (tính từ mép lăng trở ra hướng Đông của thửa đất) trên đất đang tồn tại cây cối: do ông Ngô Văn L và Ngô Văn S trồng. Các bên có liên quan đều thừa nhận diện tích khoảng 600m^2 này trước năm 2008 do ông bà Ngô Văn V5 - Lê Thị V4 sử dụng, sau đó do ông Ngô Văn L và Ngô Văn S sử dụng đến nay, hiện trạng trên đất đang tồn tại cây trồng là keo khoảng 03 đến 04 năm tuổi.

Theo Bản đồ Địa chính lập năm 2004, thửa đất số 161, do ông Ngô Văn V5 (bố của ông Ngô Văn H) kê khai đăng ký sử dụng. Tuy nhiên, khi tiến hành lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1, UBND phường không xác minh làm rõ mà xác nhận toàn bộ thửa đất (bao gồm diện tích khoảng 600m^2 nói trên) do ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 sử dụng ổn định từ năm 1991 là không đúng thực tế sử dụng đất.

Như vậy, quá trình lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND phường T, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H1 thiếu thẩm tra, làm rõ hiện trạng sử dụng đất, đối tượng sử dụng đất dẫn đến việc UBND thị xã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 đối với toàn bộ thửa đất số 161 là không đúng thực tế sử dụng, không đúng đối tượng sử dụng.

Ngày 15/8/2019, Thanh tra thị xã có Báo cáo số 200/BC-TTr về việc thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 với nội dung kiến nghị UBND thị xã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1. Ngày 27/8/2019, UBND thị xã có Công văn số 1094/UBND-TTr về việc thống nhất thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1. Ngày 17/9/2019, UBND thị xã ban hành Công văn số 1226/UBND-TNMT về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1.

Ngày 11/11/2019, ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 có đơn khiếu nại Công văn số 1226/UBND-TNMT ngày 17/9/2019 của UBND thị xã H1. Ngày 11/3/2020, UBND thị xã đã tiến hành mời các hộ gia đình, cá nhân liên quan để tổ chức đối thoại, hòa giải trong nội bộ gia đình nhưng các bên vẫn không thống nhất.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, UBND thị xã đã tổ chức đối thoại gặp gỡ với hộ gia đình ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1, tuy nhiên ông H, bà T1 vẫn tiếp tục khiếu nại. Ngày 11/5/2020, UBND thị xã ban hành Quyết định số 1711/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 với nội dung bác đơn khiếu nại của ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1.

Từ những phân tích nêu trên, việc ông, bà Ngô Văn H - Nguyễn Thị T1 khiếu nại Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND thị xã là không có cơ sở để xem xét. Vì vậy, người đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hà Nguyễn Thị T1 trình bày: Nhất trí như ý kiến của ông Ngô Văn H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị V4 cùng các con Ngô Văn S, Ngô Thị Nh, Ngô Thị H5, Ngô Văn L, Ngô Thị H4, Ngô Thị H3, Ngô Thị L3 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 161, diện tích là 1471m^2, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại tổ 9, phường T, thị xã H1 nguyên trước năm 1975 là đất rẫy của cụ ông Ngô Văn Kiếm là cha của cụ Ngô Văn V5 (là cha chồng của bà Lê Thị V4). Sau 1975, diện tích đất trên do Hợp tác xã quản lý và giao cho Hội PL làm vườn ươm cây. Đến vào khoảng năm 1986 -1987, Hội PL giải tán thì Hợp tác xã giao cho gia đình cụ V5, cụ V4; do ông Ngô Viết Hoa - Chủ nhiệm Hợp tác xã cấp và Hợp tác xã tiếp tục giao đất màu theo Nghị định 64 (cấp đất màu thay đất ruộng vì gia đình ruộng ít). Vợ chồng cụ V5 và cụ V4 sản xuất trên thửa đất đó từ trước đến nay, không có ai tranh chấp gì, làng trên xóm dưới ai cũng đều biết rẫy đó là của cụ Ngô Văn V5 và cụ Lê Thị V4.

Quá trình canh tác và sử dụng thửa đất diện tích được cấp theo sổ sách của Hợp tác xã là: 1074m^2, diện tích thực tế theo bản đồ đo đạc hiện nay là 1471m^2. Diện tích thực tế lớn hơn diện tích được cấp trước đây là do quá trình sản xuất gia đình tôi có canh tác và nới rộng thêm. Thửa đất đó từ trước đến nay vợ chồng cụ V5, cụ V4 trồng sắn, khoai, môn, ớt, cải, ngò, chanh và cây lâu năm (cây Mít).

Đến cuối năm 2008 cụ V5 chết, cụ V4 vẫn tiếp tục trồng hoa màu trên thửa đất đó. Đến những năm gần đây, khoảng năm 2015 trở lại, cụ V4 già yếu không làm được nửa thì đất bỏ hoang, chỉ còn lại cây chanh và cây Mít. Và con trai út của cụ là Ngô Văn L có trồng cây Mai trên thửa đất bỏ hoang đó.

Từ năm 2017 đến nay ông Ngô Văn H (là con trai thứ 2) được thị xã H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (50 năm) thì ông H đã phá bỏ hiện trạng trên thửa đất đó kể cả phần đất của ông Ngô Văn L (con trai thứ 4) trồng bạc hà đã thu hoạch một lứa, phá hết toàn bộ cây Mai, Chanh, Mít và ông H đã trồng mới chỉ còn để lại cây bạc hà của ông Ngô Văn S là con trai thứ 3.

Gia đình bà không can thiệp được, bởi vì ông được UBND thị xã cấp thẻ đỏ nên ông H có quyền sử dụng, còn không ai có quyền hết.

Nay, bà cùng các con đề nghị Tòa án thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Văn H và cấp lại cho bà là Lê Thị V4.

Người làm chứng ông Ngô Văn Toàn, Phùng Hữu Linh, Phùng Hữu Đồng, Lê Quý Chèo trình bày: Trong thời gian các ông trồng trọt trên vườn ươm PL thì đã thấy vợ chồng ông H làm nhà và trồng trọt trên mảnh đất này từ năm 1990 cho đến nay.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 13/2021/HC-ST ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193,

Điều 204, Điều 206, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 98, Điều 100 Khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 105 của Luật Đất đai 2013; Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn H;

- Hủy Công văn số 1226/UBND-TNMT ngày 17/9/2019 của UBND thị xã H1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1

- Hủy Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 15/05/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo.

Ngày 19/11/2021, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Lê Thị V4, bà Ngô Thị H3, bà Nguyễn Thị V2, bà Ngô Thị L3, bà Ngô Thị H5, bà Ngô Thị H4, bà Ngô Thị Nh, ông Ngô Văn L và ông Ngô Văn S kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của ông Ngô Văn H

Ngày 22/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1826/QĐ-VKS-HC đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế như nội dung đơn kháng cáo.

Luật sư Nguyễn Văn Phước bảo vệ quyền lợi cho ông L đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng là không đưa bà Ngô Thị Nh là con của ông V5 và bà V4 và vợ con của ông D (chết) vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã

được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Ngô Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 19/11/2021, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, gồm: Bà Lê Thị V4, bà Ngô Thị H3, bà Nguyễn Thị V2, bà Ngô Thị L3, bà Ngô Thị H5, bà Ngô Thị H4, bà Ngô Thị Nh, ông Ngô Văn L và ông Ngô Văn S kháng cáo; tuy nhiên các kháng cáo của bà Nguyễn Thị V2, bà Ngô Thị L3, bà Ngô Thị H5, bà Ngô Thị H4, bà Ngô Thị Nh, ông Ngô Văn L và ông Ngô Văn S là không hợp lệ. HĐXX chỉ xét kháng cáo của bà Lê Thị V4 và bà Ngô Thị H3.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp cho Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND thị xã H1 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và một số người liên quan vắng mặt. Theo đề nghị của người khởi kiện, những người liên quan có mặt và Kiểm sát viên, HĐXX quyết định tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc đất ông H đang sử dụng, HĐXX thấy rằng: Trước năm 1990, thửa đất số 161 thuộc khu vực đất do Đội PL quản lý, sử dụng làm đất "vườn ươm" được thể hiện qua các hồ sơ, tài liệu sau: Tại các Biên bản làm việc ngày 27/6/2019 và ngày 12/7/2019 với Hợp tác xã nông nghiệp T và ông Lê Viết Chiến (cán bộ Địa chính xã T giai đoạn 1985-2005) đều xác nhận trước thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP Khu vực này do Đội PL của xã sử dụng làm đất vườn ươm cây trồng. Tại "Biên bản họp Hội đồng xử lý các trường hợp vi phạm, lấn chiếm đất đai, xây dựng nhà trái phép kể từ tháng 5/2001 trở về trước" do UBND xã T lập ngày 25/5/2001 ghi nhận có 07 hộ gia đình, cá nhân tại khu vực này sử dụng đất trái phép, trong đó có trường hợp của vợ chồng ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1 sử dụng thửa đất ở tiếp giáp với thửa đất số 161 (đã được cấp Giấy CNQSDĐ ngày 01/10/2008) là sử dụng đất trái phép lý do vi phạm là "làm nhà trên đất vườn ươm" và bị xử phạt hành chính 200.000 đồng, được cấp đất thổ cư theo hiện trạng nhưng không quá 200 mét vuông.

Đồng thời trên Sơ đồ thửa đất mà vợ chồng ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1 được cấp Giấy CNQSDĐ vào ngày 01/10/2008 thể hiện khu vực thửa số 161 là đất do UBND quản lý. Từ năm 1990 đến 1994, Đội PL không quản lý, sử dụng mà đất bị bỏ hoang nên người dân lân cận lấn chiếm làm nhà ở và trồng hoa màu. Trên cơ sở hồ sơ quản lý đất đai và ý kiến của các cá nhân có liên quan, hiện nay, không có căn cứ để kết luận thửa đất số 161 có nguồn gốc là đất được nhà nước giao theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đình ông Ngô Văn V5.

[2.2] Xét quá trình lập thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ của ông H, thì thấy: Theo Bản đồ giải thửa 299/TTg thể hiện thửa đất số 161 thuộc một phần của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 05 có diện tích 534910m^2, ký hiệu Hg/ đm (hoang màu). Theo Bản đồ Địa chính lập năm 2004, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31, diện tích 2.239,6 m^2 (bao gồm cả diện tích đất nghĩa địa) do ông Ngô Văn V5 (bố của ông Ngô Văn H) kê khai đăng ký sử dụng. Theo Bản đồ Địa chính chỉnh lý lập năm 2013, thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31, diện tích 2.239,6m^2 do ông Ngô Văn H kê khai đăng ký sử dụng. Ngày 24/11/2016, vợ chồng ông H bà T1 gửi "Đơn đăng ký cấp Giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" kèm theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất với diện tích 1.471m^2 có tứ cận: Đông giáp thửa đất số 182 của ông Lê quý Chi, Tây giáp nhà đất thửa số 353 của ông H bà T1, Nam giáp thửa đất nghĩa địa, Bắc giáp thửa đất số 171 của UBND phường T quản lý. Dựa trên cơ sở đó, ngày 13/01/2017, UBND thị xã H1 cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 31, diện tích 1.471m^2 (đã trừ điện tích đất nghĩa địa), mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác cho ông bà Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1. Tuy nhiên sau khi có khiếu nại của bà Lê Thị V4 và những người thừa kế của ông Ngô Văn V5, UBND thị xã H1 ban hành Công văn số 1226 /UBND-TNMT ngày 17/9/2019 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1; khi ông H và bà T1 khiếu nại thì ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1171/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 không chấp nhận đơn của ông bà; vì vậy ông H bà T1 khởi kiện vụ án hành chính. Căn cứ vào chứng cứ hồ sơ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn của ông H và bà T1 hủy các văn bản trên của UBND thị xã H1.

[3] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1826/QĐ-VKS-HC ngày 22/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn H; HĐXX thấy rằng:

[3.1] Tại hồ sơ vụ án thể hiện UBND thị xã H1 đã soát xét hồ sơ và làm việc với các cá nhân có liên quan xác định: Tại thời điểm cấp Giấy CNQSDĐ cho vợ chồng ông H và bà T1 vào năm 2016 có một phần thửa đất với diện tích

khoảng 600m^2 (tính từ mép lăng trở ra hướng Đông của thửa đất) trên đất đang tồn tại cây cối do ông Ngô Văn L và Ngô Văn S trồng; các bên có liên quan đều thừa nhận diện tích khoảng 600m^2 này trước năm 2008 do ông Ngô Văn V5 và bà Lê Thị V4 sử dụng, sau đó do ông Ngô Văn L và ông Ngô Văn S sử dụng đến nay, hiện trạng trên đất (tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm) đang tồn tại nhiều cây keo khoảng 03 đến 04 năm tuổi. Ngày 29/3/2022, thực hiện theo Quyết định ủy thác của TAND cấp cao tại Đà nẵng, TAND tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành thẩm định tại chỗ, hiện tại trên 600m^2 đất có nhiều gốc cây keo của ông L, ông S đã khai thác còn lại; ngoài ra có 02 cây mãng cầu, 02 cây mít và một hàng tre lồ ô. Theo ông L, ông S trình bày là do cha mẹ và các ông trồng, còn ông H cho rằng ông cho ông S và ông L trồng nhờ trên đất của ông, nhưng ông H không có chứng cứ về việc cho người khác mượn đất sản xuất.

[3.2] Theo Bản đồ địa chính lập năm 2004, thửa đất số 161, do ông Ngô Văn V5 kê khai đăng ký sử dụng. Tuy nhiên, khi tiến hành lập thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho vợ chồng ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1, UBND phường T không xác minh làm rõ mà xác nhận toàn bộ thửa đất, bao gồm cả diện tích khoảng 600m^2 nói trên cho vợ chồng ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1 sử dụng ổn định từ năm 1991 là không đúng với thực tế sử dụng đất. Do vậy mà những người đang sử dụng đất trước đó như các ông, bà Lê Thị V4, Ngô Thị H3, Nguyễn Thị V2, Ngô Thị L3, Ngô Thị H5, Ngô Thị H4, Ngô Thị Nh, Ngô Văn L và Ngô Văn S khiếu nại là có cơ sở. Việc thu hồi lại Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông H và bà T1 với mục đích để điều chỉnh lại việc cấp đất cho đúng đối tượng sử dụng là có căn cứ.

[4] Đối với ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông L đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập bà Ngô Thị Nh là con ông V5 và bà V4 tham gia tố tụng; đồng thời ông Ngô Văn D đang tham gia tố tụng thì chết vào 08/10/2019, nhưng không đưa vợ và các người con của ông D kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là có vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX sửa án sơ thẩm theo hướng có lợi cho những người trên, nên không nhất thiết phải hủy án sơ thẩm để xét xử lại.

[5] Từ những nhận định trên nhận thấy đơn khởi kiện của ông Ngô Văn H về việc hủy Công văn số 1226/UBND-TNMT ngày 17/9/2019 của UBND thị xã H1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1 và hủy Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 15/05/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị T1 là không có căn cứ pháp luật. Tòa án

cấp sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông H là không đúng; do vậy HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của những người liên quan và kháng nghị của Viện kiểm sát; sửa bản án hành chính sơ thẩm; bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn H.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Lê Thị V4, bà Ngô Thị H3 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; án phí hành chính sơ thẩm người khởi kiện phải chịu, người bị kiện không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị V4, bà Ngô Thị H3 và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1826/QĐ-VKS-HC ngày 22/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2021/HC-ST ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 347, 348, 349 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 98, Điều 100 của Luật Đất đai 2013; Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết hành một số điều của Luật đất đai; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngô Văn H, về yêu cầu:

- Hủy Công văn số 1226/UBND-TNMT ngày 17/9/2019 của UBND thị xã H1 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T1

- Hủy Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 15/05/2020 của Chủ tịch UBND thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Văn H, bà Nguyễn Thị T1.

2. Án phí hành chính:

Ông Ngô Văn H phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm; ông H đã tạm ứng 300.000đ tại Biên lai số 5645 ngày 19/6/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông H đã nộp đủ án phí.

Chủ tịch UBND thị xã H1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bà Lê Thị V4, bà Ngô Thị H3 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà V4, bà H3 mỗi người 300.000đ theo các biên lai số 052, 053 ngày 14/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (19/5/2022).

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;*
- *VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;*
- *Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA, P.HCTP, LT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường